

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN D

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh; Ông Lò Văn Chiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị S, sinh năm: 1994, địa chỉ: Bản C, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Giàng A T, sinh năm: 1993, địa chỉ: Bản C, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lý Thị S trình bày:

Chị Lý Thị S và anh Giàng A T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2017, tại Ủy ban nhân dân xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị S chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chung thủy, giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị S và gia đình hai bên đã khuyên bảo anh T nhiều lần, mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2019 đến nay, vợ chồng anh T, chị S sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị S về nhà mẹ đẻ ở. Thỉnh thoảng, chị S vẫn về thăm con. Hiện nay, chị

S không còn tình cảm với anh T nữa nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị S và anh T 02 con chung là cháu Giàng A P, sinh ngày 07/10/2013 và cháu Giàng A Mông D, sinh ngày 03/01/2017. Hiện tại, cả hai cháu đều đang ở với anh T, được anh T nuôi dưỡng, quan tâm, chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị S đồng ý để anh T là người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên hòa giải, bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải đoàn tụ mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của cháu Giàng A P: Hiện nay, cháu P và cháu D đang ở với bố, được bố quan tâm, chăm sóc. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Kết quả xác minh của Tòa án, xác định: Vợ chồng anh T, Chị S hiện đang có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Chàng Phàng, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn, anh T, chị S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Khoảng từ năm 2019, anh T và các con chuyển đi khỏi địa phương, anh T không khai báo tạm vắng nên không ai biết anh T đang ở đâu. Từ khi đi khỏi địa phương, thỉnh thoảng anh T có đưa các con về thăm họ hàng tại bản Chàng Phàng, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh T đã biết việc chị S xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn với chị S và có nguyện vọng được nuôi các con sau khi ly hôn, không yêu cầu chị S cấp dưỡng. Anh T không có tranh chấp về tài sản, không có yêu cầu phản tố.

Kết quả ủy thác thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án, xác định: Hiện nay, cháu Giàng A P và cháu Giàng A Mông D đang sống cùng ông nội tại thôn Nhìu Cù San, xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Anh T đã chuyển các con từ bản Chàng Phàng, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu về thôn Nhìu Cù San, xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và nhờ bố để chăm sóc. Hiện nay, anh T đang đi làm xa, không ai biết anh T đang làm công việc gì, ở đâu.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không

thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Giàng A T, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị S được ly hôn với anh Giàng A T. Về con chung: Giao cháu Giàng A P và cháu Giàng A Mông D cho anh Giàng A T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phong, cháu D đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T phải tạo điều kiện cho chị S được thăm nom, chăm sóc các cháu theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Lý Thị S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị S và bị đơn là anh Giàng A T. Tại thời điểm chị S gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì chị S không xác định được nơi ở của bị đơn ở đâu do bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Chị S chỉ xác định được nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là tại bản Chàng Phàng, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị S và anh Giàng A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh T, chị S chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Anh T không chung thủy với chị S và còn nhiều lần đánh chị S. Chị S và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần và cho hai vợ chồng nhiều cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện nay, chị S không còn

tình cảm với anh T nữa và muốn được ly hôn với anh T. Anh T cũng nhất trí ly hôn với chị S. Tòa án đã thông báo phiên hòa giải và triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, anh T vắng mặt không có lý do. Giữa chị S và anh T không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, giải quyết cho chị S được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Từ khi vợ chồng anh T, chị S sống ly thân, các cháu Giàng A P, Giàng A Mông D sống cùng với bố, được bố quan tâm, chăm sóc. Hiện nay, cháu P đã trên 7 tuổi. Khi được Tòa án hỏi ý kiến, cháu P trình bày cháu có nguyện vọng được ở với bố. Hiện nay, anh T đang có khả năng lao động, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu và có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu. Chị S cũng nhất trí để anh T nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu P, cháu D cho anh T là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh T là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Anh T và chị S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị S được ly hôn với anh Giàng A T.

- Về con chung: Giao cháu Giàng A P, sinh ngày 07/10/2013 và cháu Giàng A Mông D, sinh ngày 03/01/2017 cho anh Giàng A T là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu P, cháu D đủ 18 tuổi. Chị S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh T là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Giàng A T không yêu cầu chị Lý Thị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh Giàng A T và chị Lý Thị S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Sin Suối Hồ (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh